

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày: 12/12/2024

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Trần Ngọc Đức**

**Ông Nguyễn Văn Sáu**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trường Giang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** Bà **Nguyễn Thị Bé Hà** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: số C C, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện nay: 9 đường V, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Phạm Ngọc T trình bày:**

Năm 2023 anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/6/2023.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất yêu thương, quan tâm, lo lắng cho nhau, gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó anh và chị H phát sinh những bất đồng trong quan điểm, không có tiếng nói chung, anh cảm thấy ngột ngạt, khó chịu vì con nên anh cố gắng chịu đựng và tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H có một con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 21/10/2023, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: tư thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/11/2024 anh Phạm Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt anh cho đến khi vụ án kết thúc bằng bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định (*không tham gia các phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ do Tòa án tổ chức vào ngày 12/11/2024 và phiên tòa ngày 28/11/2024*)

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H.

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Gia H1, sinh ngày 21/10/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- *Về quan hệ tài sản:* Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Buộc anh Phạm Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (anh T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000066 ngày 21/10/2024 của Chi cục THADS huyện B, anh T không phải nộp thêm).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Ngọc T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H và đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc vắng mặt do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử với sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T xác định trong thời gian chung sống anh và chị H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, không có tiếng nói chung, anh đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên xin ly hôn với chị H.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H vẫn không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, cũng không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và tài liệu, chứng cứ cho việc giải quyết vụ án.

Ngày 13/11/2024 Tòa án tiến hành xác minh đối với chị Nguyễn Thị Thanh T1 (*chị ruột của chị H*) thì chị T1 trình bày: chị H đang sống chung với cha mẹ ruột tại tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Việc anh T xin ly hôn với chị H thì chị H biết vì Tòa án có đến gia đình tổng đạt các thông báo cho chị H và gia đình đã thông báo lại cho chị H biết nhưng do chị H đi làm không xin nghỉ được nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị H làm nghề tự do, chị và chị H liên lạc qua mạng xã hội Zalo bằng điện thoại nhưng chị H không nói địa chỉ nơi đang sống và làm việc nên chị không biết chị H làm gì, ở đâu. Anh T và chị H có một con chung tên Phạm Gia H1, sinh ngày 21/10/2023 hiện do chị H nuôi dưỡng nhưng do chị H đi làm xa nên gửi cháu H1 cho chị chăm sóc từ 03 tháng tuổi đến nay. Theo chị biết giữa T và H đã xảy ra mâu thuẫn là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và ăn chơi gây ra nợ, chị H đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhưng anh T không thay đổi nên chị H đã sống ly thân với anh T hơn 08 tháng (BL 29).

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục, bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng hiện nay tình nghĩa vợ chồng giữa anh T và chị H không còn và đã ly thân nhau. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T cho anh T ly hôn với chị H.

[3.2] *Về con chung*: Anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị Thanh H có một con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 21/10/2023, anh T yêu cầu giải quyết cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy tại thời điểm xét xử cháu H1 dưới 36 tháng tuổi, từ trước đến nay đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Phạm Gia H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Phạm Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T**

*1.1. Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Phạm Ngọc T ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H

*1.2. Về con chung*: Giao Phạm Gia H1, sinh ngày 21/10/2023 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi Phạm Gia H1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Phạm Ngọc T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh T còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Thanh H thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 81, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

*1.3. Về quan hệ tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc anh Phạm Ngọc T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000066 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND Phường 12, quận Bình Thạnh, TP.HCM: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**( Đã ký )**

**Huỳnh Ngọc Sương**